**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ ĐÁNH GIÁ CUỐI HỌC KỲ II, NĂM HỌC 2022 - 2023**

 **MÔN TOÁN -LỚP 7**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT**(1**)** | **Chương/****Chủ đề**(2) | **Nội dung/đơn vị kiến thức**(3) | **Mức độ đánh giá**(4) | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** |
| **NB**(5) | **TH**(6) | **VD**(7) | **VDC**(8) |
| **1** | **Chủ đề 1:****Biểu thức đại số và đa thức một biến** | Đa thức một biến | **Nhận biết:**– Nhận biết được định nghĩa đa thức một biến. – Nhận biết được khái niệm nghiệm của đa thức một biến. – Nhận biết được bậc của một đa thức một biến | 2 (TN - C1 + C2)1 (TL C14a)1(TN- C9) |  |  |  |
| **Thông hiểu :**– Xác định được bậc của đa thức một biến.  |  | 1 (TL- C13a) |  |  |
| **Vận dụng:**– Tính được giá trị của đa thức khi biết giá trị của biến.– Thực hiện được các phép tính: phép cộng, phép trừ, phép nhân, phép chia trong tập hợp các đa thức một biến; vận dụng được những tính chất của các phép tính đó trong tính toán.  |  |  | 2 (TL- C13b + C14b) |  |
| **2** | **Chủ đề 2:****Làm quen với biến cố và xác suất của biến cố** | Làm quen với biến cố ngẫu nhiên. Làm quen với xác suất của biến cố ngẫu nhiên trong một số ví dụ đơn giản | **Nhận biết :** –Làm quen vớicác khái niệm mở đầu về biến cố ngẫu nhiên và xác suấtcủa biến cố ngẫu nhiên trong các ví dụ đơn giản.  | 2 (TN - C5 + C6 ) |  |  |  |
| **Thông hiểu :**– Nhận biết được xác suất của một biến cố ngẫu nhiên trong một số ví dụ đơn giản (ví dụ: lấy bóng trong túi, tung xúc xắc,...). |  | 1 (TL – C15)1( TN –C10) |  |  |
| **3** | **Chủ đề 3:****Quan hệ giữa các yếu tố trong một tam giác** | Quan hệ giữa các yếu tố trong tam giác. Các đường đồng quy của tam giác | **Nhận biết:**– Nhận biết được liên hệ về độ dài của ba cạnh trong một tam giác. | 2 (TN- C3+C4)  | 1(TN-C11) |  |  |
| **Vận dụng:**– Diễn đạt được lập luận và chứng minh hình học trong những trường hợp đơn giản (ví dụ: lập luận và chứng minh được các đoạn thẳng bằng nhau, các góc bằng nhau từ các điều kiện ban đầu liên quan đến tam giác,...). |  |  | 1 (TL- C16a) |  |
| **Vận dụng cao:** – Giải quyết được một số vấn đề ***(phức hợp, không quen thuộc)*** liên quan đến ứng dụng của hình học như: đo, vẽ, tạo dựng các hình đã học. |  |  |  | 1 (TL – C16b) |
| **4** | **Chủ đề 4:****Một số hình khối trong thực tiễn** | Hình hộp chữ nhật và hình lập phương | **Nhận biết**Mô tả được một số yếu tố cơ bản (đỉnh, cạnh, góc, đường chéo) của hình hộp chữ nhật và hình lập phương.  | 3 (TN – C7+C8+C12) |  |  |  |
| **Thông hiểu** – Tính được diện tích xung quanh, thể tích của hình lăng trụ đứng tam giác, hình lăng trụ đứng tứ giác.  |  | 2 (TL- C17) |  |  |
| ***Vận dụng*** Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với việc tính diện tích xung quanh của một hình lăng trụ đứng tứ giác. |  |  |  | 1 (TL - C18) |
| **Tổng** |  | **11** | **6** | **3** | **2** |
| ***Tỉ lệ %*** |  | **35** | **35** | **20** | **10** |
| ***Tỉ lệ chung*** |  |  |  |  |  |

**MA TRẬN ĐỀ ĐÁNH GIÁ CUỐI HỌC KỲ II, NĂM HỌC 2022 - 2023**

**MÔN TOÁN – LỚP 7**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT**(1**)** | **Chương/Chủ đề**(2) | **Nội dung/đơn vị kiến thức**(3) | **Mức độ đánh giá**(4-11) | **Tổng % điểm****(12)** |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TL** | **TL** |  |
| **1** | **Chủ đề 1:****Biểu thức đại số và đa thức một biến****12 tiết****( 40%)** | Đa thức một biến | 3(0,75) | 1(1,0) |  | 1(1,0) | 2(1,5) |  | **42,5%** |
| **2** | **Chủ đề 2:****Làm quen với biến cố và xác suất của biến cố****5 tiết****(20%)** |  Làm quen với biến cố ngẫu nhiên. Làm quen với xác suất của biến cố ngẫu nhiên trong một số ví dụ đơn giản | 2(0,5) |  | 1(0,25) | 1(1,0) |  |  | **17,5%** |
| **3** | **Chủ đề 3:****Quan hệ giữa các yếu tố trong một tam giác** **(20%)** |  Quan hệ giữa các yếu tố trong tam giác. Các đường đồng quy của tam giác | 2(0,5) |  | 1(0,25) |  | 1(0,5) | 1(0,5) | **17,5%** |
| **5** | **Chủ đề 4:****Một số hình khối trong thực tiễn****8 tiết****(20%)** | Hình hộp chữ nhật và hình lập phương | 3(0,75) |  |  |  |  |  | **22,5%** |
| Lăng trụ đứng tam giác, lăng trụ đứng tứ giác |  |  |  | 2(1,0) |  | 1(0,5) |
| **Tổng** | **10****(2,5)** | **1****(1)** | **2****0,5** | **4****(3)** | **3****(2,0)** | **2****(1,0)** | **22** |
| **Tỉ lệ %** | **35%** | **35%** | **20%** | **10%** | **100** |
| **Tỉ lệ chung** | **70%** | **30%** | **100** |

|  |  |
| --- | --- |
| PHÒNG GD&ĐT HƯƠNG KHÊ | **ĐỀ ĐÁNH GIÁ CUỐI KÌ II** |
|  | **NĂM HỌC 2022 - 2023** |
|  | **Môn: Toán – Lớp 7** |
|  | *Thời gian làm bài:* ***90 phút*** *(không kể thời gian giao đề)* |

**I. TRẮC NGHIỆM:** *(3,0 điểm)*

 **Em hãy chọn chữ cái trước đáp án đúng rồi ghi vào tờ giấy kiểm tra:**

**Câu 1. (NB)** Đa thức nào dưới đây là đa thức một biến:

 A. x2 + y + 1; B. x3 – 2x2 + 3; C. xy + x2 -3; D. xyz – yz +3.

**Câu 2. (NB)** Nghiệm của đa thức f(x) = x+4 là:

A. 0; B. 2; C. -1; D. -4.

**Câu 3.** (**NB**) Cho có AC > BC > AB. Trong các khẳng đinh sau, câu nào đúng ?

1. $\hat{A}>\hat{B}>\hat{C}$; B. $\hat{C}>\hat{A}>\hat{B}$; C. $\hat{C}<\hat{A}<\hat{B}$; D. $\hat{A}<\hat{B}<\hat{C}$.

**Câu 4. (NB)** Chọn câu trả lời đúng nhất. Ba cạnh của tam giác có độ dài là 6cm; 7cm; 8cm. Góc lớn nhất là góc

 A. Đối diện với cạnh có độ dài 6cm; B. Đối diện với cạnh có độ dài 7cm;

 C. Đối diện với cạnh có độ dài 8cm; D. Góc kề với cạnh 8cm.

**Câu 5.** (**NB)** Khi gieo một con xúc xắc thì số chấm xuất hiện trên con xúc xắc bé hơn 7 là biến cố gì?

A. Biến cố ngẫu nhiên; B. Biến cố không thể;

C. Biến cố chắc chắn; D. Biến cố tự nhiên.

**Câu 6. (NB)** Gieo một con xúc xắc. Xác suất để mặt 6 chấm xuất hiện là:

A . $\frac{1}{2}$; B . $\frac{1}{3}$ ; C . $\frac{5}{6}$ ; D . $\frac{1}{6}$ .

**Câu 7. (NB)** Hình hộp chữ nhật bên ABCD.MNPQ có các mặt đáy là:

A. Mặt ABCD và mặt DCPQ;

B. Mặt ABCD và mặt MNPQ;

C. Mặt DAMQ và mặt CBNP;

D. Mặt ABNM và mặt DCPQ.

**Câu 8. (NB)** Một hình lập phương có bao nhiêu cạnh?

A. 10; B. 12; C. 14; D. 16;

**Câu 9 . (NB)** Bậc của đa thức 4x3 – 3x2 + 2x – 7 là :

A. 4; B. 3; C. 2; D. 7.

**Câu 10**. **(TH )** Từ các số 1; 2; 4; 6; 8; 9 lấy ngẫu nhiên một số. Xác suất để lấy được một số nguyên tố là:

 A. ; B. ; C. ; D. 0.

**Câu 11. (TH)** Cho tam giác ABC có trung tuyến AM, điểm G là trọng tâm của tam giác. Khẳng định đúng là:

 A. ; B.; C. ; D. .

**Câu 12. (NB)** Trong các hình sau, hình nào là hình lăng trụ đứng tam giác?



 **A.** Hình 1; **B.** Hình 2; **C.** Hình 3; **D.** Hình 4.

**II. TỰ LUẬN:** *(7,0 điểm)*

**Câu 13.** *(1,5 điểm*) **(TH+VD)** Cho hai đa thức:

;

 ;

a) Thu gọn các đa thức A(x) và B(x);

b) Tính A(x) + B(x).

**Câu 14.** *(2,0 điểm)* **(NB+VD)**

a) Thực hiện phếp tính: (3x2). (2x3);

b) Đặt tính và làm phép chia sau: (x2 + 8x + 15) : (x + 5).

**Câu 15.***(1,0 điểm)* **(TH)**Lớp 7A có 40 học sinh trong đó có 10 học sinh nam. Giáo viên gọi ngẫu nhiên một bạn lên bảng để kiểm tra bài tập. Hỏi bạn nam hay bạn nữ có khả năng được gọi lên bảng nhiều hơn? Tại sao?

**Câu 16.***(1,5 điểm )* **(VD+VDC)**Cho Δ ABC có Â = 90o. Tia phân giác của góc B cắt AC tại E. Trên BC lấy điểm H sao cho AB = BH. Chứng minh rằng:

a) ;

b) EA < EC.

**Câu 17.** *(1,0 điểm*) **(TH)** Cho hình lăng trụ đứng ABC.DEF có:

AB = 6cm; AC = 8cm; BC = 10cm; AH= 4,8 cm; AD= 15cm

 a) Tính diện tích xung quanh của hình lăng trụ đứng ABC.DEF;

 b) Tính thể tích của hình lăng trụ đứng ABC.DEF.

**Câu 18 .** *(0,5 điểm)* **(VDC)** Một căn phòng rộng 4,1m, dài 5,5m, cao 3m. Nười ta muốn quét sơn trần nhà và bốn bức tường trong phòng . Biết tổng diện tích các cửa bằng 12% tổng diện tích mặt trong bốn bức tường và trần nhà . Hãy tính diện tích cần quét sơn.

 **-----Hết-----**

|  |  |
| --- | --- |
| PHÒNG GD&ĐT HƯƠNG KHÊ | **HƯỚNG DẪN CHẤM BÀI ĐÁNH GIÁ CUỐI KÌ II****NĂM HỌC 2022 – 2023****MÔN: TOÁN – LỚP 7** *(Hướng dẫn chấm gồm có 02 trang)* |

**I.TRẮC NGHIỆM** *(3,0 điểm) Mỗi đáp án đúng được 0,25 điểm*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** |  **9** | **10** | **11** | **12** |
| **Đáp án** | B | D | C | C | C | D | B | B | B | A | A | C |

**II. TỰ LUẬN:** *(7,0 điểm)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **1***(1,5 điểm)* | a | A(x) = x3 – 5x + 3 B(x) = -8x2 – 5x -3  | *0,5**0,5* |
| b | A(x)+B(x) = x3 -8x2 -10x | *0,5* |
| **2***(2,0 điểm)* | a | (3x2). (2x3) = 6x5 | *1,0* |
| b | x + 3 | *1,0* |
| **3***(1,0 điểm)* |  | Số học sinh nữ của lớp 7A là 40 -10 = 30 (học sinh)Bạn nữ có khả năng được gọi lên bảng nhiều hơn vì lớp 7A có nhiều học sinh nữ hơn | *0,25**0,75* |
| **4***(1,5 điểm)* |  |  |  |
| a | $$∆ABI=∆HBI\left(c-g-c\right)$$$$⇒\hat{BIA}=\hat{BIH}=90°$$$$⇒BE⊥AH$$ | *0,5* |
| b | Suy ra AE = HE ; HE < EC => AE < EC | *1,0* |
| **5***(1,0 điểm)* | a | Sxq = (6+8+10) . 15 = 360(cm2) | *0,5* |
| b | V = $\frac{1}{2}$. 10. 4,8. 15 = 360(cm3) | *0,5* |
| **6***(0,5 điểm)* |  | Diện tích mặt trong toàn bộ căn phòng là :  5,5.4,1 + 5,5.3.2 + 4,1.3.2 = 80,15 m2Diện tích cần quét sơn là : 80,15 – 12%.80,15 = 70,532 m2 | *0,5* |

***Lưu ý: Mọi đáp án khác đúng và lập luận chặt chẽ vẫn cho điểm tối đa***